

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Phê duyệt của Chủ tịch	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch	
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên	
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2023
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lân	từ ngày 25 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	đến ngày 24 tháng 5 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của tôi, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12761246/66926690-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.082.226.894	36.031.743.058
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	16.245.042.382	11.208.212.039
111	1. Tiền		7.245.042.382	11.208.212.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		150.000.000	1.144.200.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	150.000.000	1.144.200.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.608.457.165	12.135.409.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	6.048.973.396	9.089.603.898
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		62.404.000	908.917.740
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.497.079.769	2.136.888.151
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.078.727.347	11.543.921.230
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	480.641.154	179.894.311
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	10.598.086.193	11.364.026.919
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		142.662.390.928	143.121.043.211
220	I. Tài sản cố định		138.146.499.869	139.931.565.612
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	123.521.884.855	125.306.950.598
222	Nguyên giá		138.042.206.356	136.067.863.356
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.520.321.501)	(10.760.912.758)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	14.624.615.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		994.200.000	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	994.200.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		3.521.691.059	3.189.477.599
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.200.474.326	3.189.477.599
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	321.216.733	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		177.744.617.822	179.152.786.269

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		119.786.867.650	120.657.555.360
310	I. Nợ ngắn hạn		38.660.821.953	40.191.277.286
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.140.496.889	7.021.018.164
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.785.748	2.788.900
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	316.616.747	364.701.007
314	4. Phải trả người lao động		429.669.724	1.029.327.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		77.159.445	92.591.334
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	593.500.000	224.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.775.853.998	1.922.581.313
320	8. Vay ngắn hạn	16	28.630.232.377	29.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	690.507.025	534.268.734
330	II. Nợ dài hạn		81.126.045.697	80.466.278.074
337	1. Phải trả dài hạn khác		290.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	16	80.836.045.697	80.466.278.074
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		57.957.750.172	58.495.230.909
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	57.957.750.172	58.495.230.909
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.939.161.654	2.878.400.693
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.125.588.518	23.723.830.216
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		23.213.069.255	22.826.111.004
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(87.480.737)	897.719.212
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		177.744.617.822	179.152.786.269


Lê Thị Mơ
Người lập


Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	18.1	30.029.837.715	37.207.057.278
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	19	(24.639.201.764)	(37.094.760.506)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		5.390.635.951	112.296.772
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	157.413.120	1.193.469.546
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(3.807.093.028) (3.799.829.439)	(1.695.487.383) (1.684.860.558)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(1.843.632.567)	(1.549.728.891)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(102.676.524)	(1.939.449.956)
31	8. Thu nhập khác		-	7.407.407
32	9. Chi phí khác		(5.339.518)	-
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(5.339.518)	7.407.407
50	11. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(108.016.042)	(1.932.042.549)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(300.681.428)	-
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	321.216.733	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(87.480.737)	(1.932.042.549)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	17.4	(28)	(735)
71	16. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	17.4	(28)	(735)

Lê Thị Mơ
Người lập

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(108.016.042)	(1.932.042.549)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	3.759.408.743	1.942.319.426
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		125.538	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(144.075.741)	(1.150.555.918)
06	Chi phí lãi vay		3.799.829.439	1.684.860.558
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.307.271.937	544.581.517
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		5.292.376.777	(2.113.958.364)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.186.028.118)	2.209.824.390
12	Tăng chi phí trả trước		(311.743.570)	(1.176.549.917)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.793.171.890)	(1.940.856.033)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(287.359.420)	(131.810.870)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(293.761.709)	(436.221.236)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		5.727.584.007	(3.044.990.513)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(824.355.460)	(52.247.123.048)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.054.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		144.075.741	179.222.626
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(680.279.719)	(51.013.900.422)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ đi vay	16	-	58.576.278.074
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	58.576.278.074
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.047.304.288	4.517.387.139
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.208.212.039	7.969.628.617
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.473.945)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	16.245.042.382	12.487.015.756

Lê Thị Mơ
Người lập

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 65 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 52).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	129.472.679	239.358.909
Tiền gửi ngân hàng	7.115.569.703	7.783.853.130
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	-
Tiền đang chuyển	-	3.185.000.000
TỔNG CỘNG	16.245.042.382	11.208.212.039

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,75 đến 6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền gửi ngân hàng (*)	150.000.000	150.000.000
Trái phiếu	-	994.200.000
TỔNG CỘNG	150.000.000	1.144.200.000

(*) Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6,2%/năm.

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương (*)	994.200.000	-

(*) Vào ngày 22 tháng 3 năm 2023, Công ty nhận được 79.706 cổ phiếu phổ thông từ nguồn trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ bên khác	6.015.323.390	7.816.362.402
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận</i>		
<i>Ngoại Thương</i>	917.622.200	1.764.726.480
<i>Công ty Cổ phần Logistic SC</i>	620.689.251	343.861.066
<i>Các khách hàng khác</i>	4.477.011.939	5.707.774.856
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	33.650.006	1.273.241.496
TỔNG CỘNG	6.048.973.396	9.089.603.898

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tạm ứng cho nhân viên	66.297.060	22.248.820
Khác	1.430.782.709	2.114.639.331
TỔNG CỘNG	1.497.079.769	2.136.888.151

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	480.641.154	179.894.311
Chi phí mua bảo hiểm	183.233.379	90.553.677
Chi phí thuê văn phòng	60.500.000	25.000.000
Công cụ dụng cụ	4.045.454	1.432.140
Khác	232.862.321	62.908.494
Dài hạn	3.200.474.326	3.189.477.599
Công cụ dụng cụ	1.884.838.333	1.934.217.411
Tiền thuê đất	1.075.234.662	1.194.705.180
Khác	240.401.331	60.555.008
TỔNG CỘNG	3.681.115.480	3.369.371.910

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	96.030.052.211	35.860.812.154	4.144.089.900	32.909.091	136.067.863.356
Mua mới	-	1.474.343.000	500.000.000	-	1.974.343.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	96.030.052.211	37.335.155.154	4.644.089.900	32.909.091	138.042.206.356
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.005.562.389	163.525.377	549.813.710	-	2.718.901.476
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(6.334.573.082)	(2.652.035.203)	(1.767.722.653)	(6.581.820)	(10.760.912.758)
Khấu hao trong kỳ	(1.945.352.742)	(1.576.511.901)	(234.253.190)	(3.290.910)	(3.759.408.743)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(8.279.925.824)	(4.228.547.104)	(2.001.975.843)	(9.872.730)	(14.520.321.501)
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	89.695.479.129	33.208.776.951	2.376.367.247	26.327.271	125.306.950.598
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	87.750.126.387	33.106.608.050	2.642.114.057	23.036.361	123.521.884.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất lâu dài sau đây:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 16.3*);
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 16.3*).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả các bên bên khác	4.086.658.769	4.198.296.017
<i>Chi nhánh tại Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi</i>	1.440.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Ngôi sao Mới LS</i>	458.305.865	403.473.132
<i>Các bên khác</i>	2.188.352.904	3.794.822.885
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	1.053.838.120	2.822.722.147
TỔNG CỘNG	5.140.496.889	7.021.018.164

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	11.364.026.919	1.657.316.479	(2.423.257.205)	10.598.086.193
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	68.242.408	87.987.140	(147.066.118)	9.163.430
Thuế giá trị gia tăng	9.099.179	22.393.035	(24.720.325)	6.771.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.359.420	300.681.428	(287.359.420)	300.681.428
Các loại thuế khác	-	24.741.843	(24.741.843)	-
TỔNG CỘNG	364.701.007	435.803.446	(483.887.706)	316.616.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	<u>593.500.000</u>	<u>224.000.000</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Lãi vay	2.536.109.634	1.529.452.085
Tiền cọc	185.000.000	365.000.000
Bảo hiểm xã hội	46.193.053	13.503.123
Khác	<u>8.551.311</u>	<u>14.626.105</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.775.853.998</u>	<u>1.922.581.313</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	2.536.109.634	1.529.452.085
<i>Phải trả các bên khác</i>	<u>239.744.364</u>	<u>393.129.228</u>

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	534.268.734	389.989.970
Tăng trong kỳ	450.000.000	450.000.000
Giảm trong kỳ	<u>(293.761.709)</u>	<u>(280.721.236)</u>
Số cuối kỳ	<u>690.507.025</u>	<u>559.268.734</u>



Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vay ngắn hạn	29.000.000.000	-	-	(369.767.623)	28.630.232.377
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.3)	-	-	-	14.630.232.377	14.630.232.377
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 16.1)	29.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	14.000.000.000
Vay dài hạn	80.466.278.074	-	-	369.767.623	80.836.045.697
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.3)	80.466.278.074	-	-	(14.630.232.377)	65.836.045.697
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 16.2)	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	109.466.278.074	-	-	-	109.466.278.074

16.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 24) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày đáo hạn		Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày	
Công ty Cổ phần Transimex	14.000.000.000	7	12	Ngày 15 tháng 6 năm 2024	Tín chấp

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 24) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Transimex	15.000.000.000	7	13	Ngày 23 tháng 7 năm 2024	Tín chấp

16.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Shinhan Bank	80.466.278.074	7	66	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 đến ngày 25 tháng 11 năm 2028	Các Quyền sử dụng đất trị giá 13.558.289.600 VND tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Trong đó:

Vay dài hạn 65.836.045.697
Vay dài hạn đến hạn trả 14.630.232.377



Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.932.042.549)	(1.932.042.549)
Trích lập các quỹ	-	-	405.529.887	(1.011.029.887)	(605.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	20.738.568.455	55.509.969.148
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	23.723.830.216	58.495.230.909
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(87.480.737)	(87.480.737)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	60.760.961	(510.760.961)	(450.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	31.500.000.000	393.000.000	2.939.161.654	23.125.588.518	57.957.750.172

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2023/NQĐHĐCĐ-VMT ngày 9 tháng 5 năm 2023, cổ đông của Công ty đã thông qua việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với giá trị lần lượt là 450.000.000 VND và 60.760.961 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	3.150.000	31.500.000.000	100,00	31.500.000.000

17.3 Cổ phiếu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	3.150.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: VND 10.000)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại)</i>
Lãi thuần sau thuế TNDN (VND)	(87.480.737)	(1.932.042.549)
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(225.000.000)
Thù lao của HĐQT và BKS (*)	-	(158.750.000)
Lãi thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(87.480.737)	(2.315.792.549)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.150.000	3.150.000
Lãi cơ bản (VND)	(28)	(735)
Lãi suy giảm (VND)	(28)	(735)

(*) Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Kiểm soát ("BKS") từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQĐHĐCĐ-VMT ngày 9 tháng 5 năm 2023.

Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT và BKS từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của kỳ hiện tại.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Doanh thu dịch vụ vận tải	18.057.260.421	34.393.114.330
Doanh thu cho thuê kho bãi	10.995.631.549	1.686.078.594
Doanh thu cho thuê văn phòng	976.945.745	1.127.864.354
DOANH THU THUẦN	30.029.837.715	37.207.057.278
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	627.174.452	381.053.083
Các bên khác	29.402.663.263	36.826.004.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi	74.481.741	71.333.744
Lãi trái phiếu	69.594.000	2.556.882
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.903.905	42.908.086
Thu tiền bán chứng khoán	-	971.333.292
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	105.332.000
Khác	6.433.474	5.542
TỔNG CỘNG	<u>157.413.120</u>	<u>1.193.469.546</u>

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn dịch vụ vận tải	15.725.058.121	31.776.140.127
Giá vốn cho thuê kho bãi	8.887.419.245	5.307.134.040
Giá vốn cho thuê văn phòng	26.724.398	11.486.339
TỔNG CỘNG	<u>24.639.201.764</u>	<u>37.094.760.506</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lương nhân viên	1.137.783.635	1.035.388.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.426.040	138.992.602
Chi phí khấu hao	82.724.676	82.724.676
Khác	441.698.216	292.622.830
TỔNG CỘNG	<u>1.843.632.567</u>	<u>1.549.728.891</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí lãi vay	3.799.829.439	1.684.860.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.029.443	8.399.700
Chi phí tài chính khác	234.146	2.227.125
TỔNG CỘNG	3.807.093.028	1.695.487.383

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.810.202.060	31.938.683.878
Chi phí lương nhân viên	4.312.399.211	3.368.673.658
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	3.759.408.743	1.942.319.426
Khác	1.600.824.317	1.394.812.435
TỔNG CỘNG	26.482.834.331	38.644.489.397

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	300.681.428	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(321.216.733)	-
TỔNG CỘNG	(20.535.305)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(108.016.042)	(1.932.042.549)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(21.603.208)	(386.408.510)
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.067.903	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(21.066.400)
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	407.474.910
Chi phí thuế TNDN	(20.535.305)	-

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (*)	321.216.733	-	321.216.733	-	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	321.216.733	-			
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			321.216.733	-	

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong kỳ với số tiền là 321.216.733 VND.

23.4 Lỗi thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗi lũy kế với số tiền là 87.480.737 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 30/6/2023	Không được chuyển lỗi	VND
					Chưa chuyển lỗi tại ngày 30/6/2023
2023	2028	87.480.737	-	-	87.480.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

		VND			
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày	Chi phí lãi vay không còn được chuyển sang năm sau đến ngày	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày
			30/6/2023	30/6/2023	30/6/2023
2023	2028	1.606.083.664	-	-	1.606.083.664

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Mối quan hệ	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đông
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đông

Điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Nghiệp vụ với các bên liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Mua dịch vụ	2.269.201.127	1.535.240.712
	Lãi vay	1.006.657.549	1.006.657.549
	Cung cấp dịch vụ	567.691.395	149.061.214
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	45.830.422	206.904.923
	Mua dịch vụ	10.482.500	181.048.746
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Mua dịch vụ	41.371.845	198.534.924
	Cung cấp dịch vụ	11.052.635	25.086.946
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Cung cấp dịch vụ	2.600.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	18.186.462	52.488.048
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	15.463.544	634.773.804
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cung cấp dịch vụ	-	10.680.500
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Cung cấp dịch vụ	-	575.299.144
		<u>33.650.006</u>	<u>1.273.241.496</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Mua dịch vụ	1.047.202.120	2.390.957.567
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Mua dịch vụ	6.636.000	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Mua tài sản cố định	-	430.480.460
Công ty Cổ phần Vinafreight	Mua dịch vụ	-	1.284.120
		<u>1.053.838.120</u>	<u>2.822.722.147</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Lãi vay	<u>2.536.109.634</u>	<u>1.529.452.085</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	<u>14.000.000.000</u>	<u>29.000.000.000</u>
<i>Vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	<u>15.000.000.000</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc ("TGD") và Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	21.000.000	5.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	21.000.000	5.800.000
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 9 tháng 5 năm 2023)	6.000.000	-
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT (đến ngày 11 tháng 5 năm 2022)	-	15.200.000
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	21.000.000	21.000.000
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	9.000.000	2.500.000
Bà Nguyễn Anh Nam	Thành viên BKS (đến ngày 11 tháng 5 năm 2022)	-	6.500.000
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	TGD (đến ngày 20 tháng 5 năm 2023)	193.770.499	178.845.994
Ông Hồ Văn Tú	Phó TGD	164.064.090	196.997.883
TỔNG CỘNG		<u>495.834.589</u>	<u>492.643.877</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	1.790.000.000	1.644.090.909
Từ 1 đến 5 năm	2.350.000.000	2.340.000.000
TỔNG CỘNG	<u>4.140.000.000</u>	<u>3.984.090.909</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Lê Thị Mơ
Người lập



Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Chủ tịch HĐQT



Ngày 14 tháng 8 năm 2023

